TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST Ngày: 05-11-2018 V/v: ly hôn giữa ông T và bà L	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lèo

Ông Lê Minh Quan

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05-11-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 14-05-2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-09-2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16-10-2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 23/2018/QĐ-TĐNTT ngày 05-11-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Văn T - sn:1973 (có mặt)

Địa chỉ: số 253, tổ 2, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT.

2. *Bị đơn*: Bà Châu Thị Thanh L - sn:1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 6, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-04-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 198, quyển số 02/2014 ngày 30-09-2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại tổ 2, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Bà L thường xuyên tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh BRVT, vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay ông T cảm thấy không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: Ông T và bà L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Bị đơn bà Châu Thị Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn thông báo thụ lý vụ án và bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn hợp pháp, mâu thuẩn là do bất đồng quan điểm sống, bà L về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân, gặp

nhau hàn gắn nhưng không thành, bà L triệu tập không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích gia đình không đạt, đời sống chung thực tế đã chấm dứt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Hai bên không có con chung. Ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ phân tích trên xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT (BL 16,17,44) nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Bà L dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa ông T và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 198, quyển số 02/2014 ngày 30-09-2014 (BL 03) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo ông T thì vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Bà L thường xuyên tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh BRVT, vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay ông T cảm thấy không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu được ly hôn với bà L. Bà L dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi ông T, bà L sinh sống thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết nhưng hiện nay bà L không còn sinh sống cùng ông T ở khu phố P, thị trấn Đ (BL

45) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của ông T là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của ông T là được ly hôn với bà L.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Ông T và bà L không có con chung.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên ông T phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Ông T và bà L được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59 và 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn T đối với bà Châu Thị Thanh L.

1. Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn T được ly hôn với bà Châu Thị Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Ông T và bà L không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà

ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000452 ngày 10-05-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND nơi ĐKKH;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Diệp Lai